

## MỤC LỤC

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT .....	2
LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY .....	3
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	11
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC .....	14
BÁO CÁO TÀI CHÍNH .....	16
BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH .....	38
BÁO CÁO KIỂM TOÁN .....	40
THÔNG TIN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....	41
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT.....	42
THÀNH VIÊN BAN GIÁM ĐỐC .....	43
CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG .....	45

## THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

*Xin chào Quý cổ đōng!*

Tình hình kinh tế Thế giới trong những năm gần đây biến động với tốc độ nhanh, đã ảnh hưởng đến việc tăng trưởng nền kinh tế các nước, đặc biệt là, tình trạng lạm phát là vấn đề khó khăn lớn nhất mà các nước phải đối mặt. Ngành công nghiệp xây dựng được xem là đầu tàu thúc đẩy sự tăng trưởng của nhiều ngành công nghiệp khác, để ngăn chặn kim hãm tình trạng lạm phát một cách có hiệu quả, chính phủ các nước đã dùng biện pháp kim nén kiểm soát chặt chẽ ngành bất động sản, với mong muốn rằng tác động hiệu quả nhanh hơn, điều này đã ảnh hưởng trực tiếp gây nên sự suy giảm của ngành xây dựng, ngành công nghiệp xây dựng của Việt Nam cũng đang phải đối mặt với tình trạng trên, làm thế nào để duy trì sự tăng trưởng trong một môi trường nghiêm ngặt, đang là mục tiêu cần nỗ lực hơn nữa của tất cả các doanh nghiệp. Công ty mong muốn bằng cách cải thiện phương thức hoạt động kinh doanh, cùng với việc gửi niềm hy vọng rằng Chính phủ sẽ thúc đẩy việc nới lỏng các chính sách kinh tế để vượt qua thời kỳ khó khăn và ổn định hoạt động kinh doanh.

Trong những năm qua công ty Taicera đã nỗ lực cải tiến cơ cấu dòng sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế, đồng thời tăng cường khai thác mở rộng thị trường xuất khẩu và thị phần. Tháng 09/2011 cùng với Liên minh Châu Âu công bố áp thuế chống bán phá giá đối với gạch men Trung Quốc, sản phẩm công ty đã nhân cơ hội này nhập vào thị trường Châu Âu với số lượng lớn, hy vọng có thể phân tán rủi ro kinh doanh bằng việc tiêu thụ sản phẩm đến nhiều thị trường khác nhau. Trong năm 2011 qua nhờ sự ủng hộ nhiệt tình của quý vị cổ đōng và dưới tinh thần đoàn kết, phối hợp của toàn thể nhân viên, công ty vẫn duy trì sự tăng trưởng ổn định. Hướng tới năm 2012, công ty có lòng tin là sẽ đạt được mục tiêu trong năm và tiếp tục duy trì mức tăng trưởng ổn định.

Cuối cùng, tôi xin gửi lời chúc sức khỏe dồi dào đến quý cổ đōng, cùng gia đình luôn hạnh phúc đầm ấm và công việc thành đạt.

*Xin trân trọng kính chào!*

Chủ tịch Hội đōng Quản trị  
CHEN, SIN - SIANG

## LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera là 01 (một) trong 06 (sáu) Công ty có vốn đầu tư nước ngoài đầu tiên tại Việt Nam được Bộ Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận cho chuyển đổi thành Công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là sản xuất gạch thạch anh phản quang, gạch men và sản phẩm sứ; xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.

- Tên gọi Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GỐM SỨ TAICERA**
- Tên giao dịch đối ngoại: **TAICERA ENTERPRISE COMPANY**
- Tên viết tắt: **TAICERA**
- Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Gò Dầu, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai
- Địa chỉ: Khu Công nghiệp Gò Dầu, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: (84.613) 841 594 - 841 597 Fax: (84.613) 841 598 - 841 592
- Email: [tcr@hcm.vnn.vn](mailto:tcr@hcm.vnn.vn) Website: <http://www.taicera.com>
- Nhãn hiệu thương mại:



- Vốn điều lệ:
  - Vốn điều lệ Công ty: 407,973,600,000 ( Bốn trăm lẻ bảy tỷ, chín trăm bảy mươi ba triệu, sáu trăm nghìn) đồng.

### 1. Những sự kiện quan trọng:

Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera được thành lập năm 1994 do 20 cổ đông người Đài Loan thành lập theo Giấy phép 764/GP do Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư, nay là Bộ kế hoạch và đầu tư cấp ngày 11/1/1994. Tổng vốn đầu tư ban đầu là USD19,500,000, trong đó vốn pháp định là USD 8,500,000. Thời gian hoạt động đăng ký là 30 năm. Chức năng hoạt động là sản xuất gạch thạch anh, gạch men và các sản phẩm sứ. Trụ sở nhà máy đặt tại Khu công nghiệp Gò Dầu, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai.

Nhận thấy những thay đổi tích cực trong môi trường kinh doanh tại Việt nam, Công ty đã liên tục mở thêm chi nhánh ở các thành phố, địa bàn trọng điểm; tăng thời hạn hoạt động lên 50 năm và

điều chỉnh tăng vốn đầu tư để mở rộng thêm dây chuyền sản xuất và bổ sung chức năng hoạt động. Đến nay, Taicera đã có 06 chi nhánh tại Tp HCM, Tp Hà Nội, Tp Đà Nẵng, Tp Cần Thơ, Tp Nha Trang và Tp Hải Phòng nhằm hỗ trợ việc phân phối sản phẩm tới các địa bàn lân cận. Cụ thể như sau:

- Miền Nam: chi nhánh Tp Hồ Chí Minh phân phối sản phẩm cho Tp Hồ Chí Minh, Thủ Đức, Biên Hòa, Đồng Nai v.v...

- Miền Tây Nam Bộ: chi nhánh tại Cần Thơ cung cấp sản phẩm cho Cần Thơ và các tỉnh Long An, An Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Kiên Giang, Tiền Giang, Cà Mau, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bạc Liêu v.v...

- Miền Bắc: chi nhánh tại Hà Nội, Hải Phòng phân phối cho Hà Nội và các tỉnh lân cận Hà Giang, Thanh Hóa, Hải Phòng, Hải Dương, Lào Cai, Cao Bằng, Lạng Sơn, Ninh Hà, Lai Châu, Vĩnh Phúc, Thái Bình v.v...

Miền Trung: Công ty thành lập 2 chi nhánh tại Đà Nẵng và Nha Trang để phân phối sản phẩm cho Đà Nẵng, Nha Trang và các tỉnh Quy Nhơn, Gia Lai, Nghệ An, Hà Tĩnh, Đà Lạt, Bảo Lộc, Buôn Ma Thuật, Phan Rang, Phan Thiết v.v...

Bên cạnh thị trường nội địa, sản phẩm gạch của Taicera đã bắt đầu thâm nhập thị trường nước ngoài từ năm 1998 với 2 thị trường Campuchia, Miến Điện; năm 1999 thêm thị trường Malaysia, Singapore; năm 2000 thêm Philippines; năm 2001 phát triển thêm thị trường Hàn Quốc và Đài Loan; năm 2002 sản phẩm đã đến Úc và Nhật Bản. Năm 2006, 2007 và 2008, 2009 tỷ trọng sản lượng xuất khẩu của Công ty chiếm lần lượt là 61%; 74%; 56% và 52% tổng sản lượng tiêu thụ.

Vốn đầu tư của Công ty liên tục tăng, từ 19,500,000 USD năm 1994 tăng lên 39,500,000 USD vào năm 1997; 49,500,000 USD năm 2000 và 66,166,667 USD năm 2005. Vốn pháp định tương ứng qua các năm là 8,500,000 USD; 11,850,000 USD; 14,850,000 USD và 19,850,000 USD.

Trải qua hơn 10 năm phát triển, Taicera đã xây dựng thành công một mô hình doanh nghiệp bằng sự kết hợp hài hòa giữa kỹ năng, trình độ quản lý của Đài Loan với văn hóa, con người và môi trường Việt Nam. Điểm căn bản tạo nên nền tảng chuyên nghiệp của mô hình này chính là ở sự đầu tư cơ bản về hệ thống quản lý và những chính sách nhân sự, tài chính linh hoạt và hiệu quả.

Ngày 15/4/2003, Chính phủ Việt Nam ban hành Nghị định 38 cho phép các công ty có vốn đầu tư nước ngoài được chuyển sang hình thức công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Taicera nhận thấy đây là một cơ hội tốt để tạo kênh huy động vốn mới, đa dạng hóa hình thức đầu tư, tạo cho các tổ chức và cá nhân có cơ hội mua lại cổ phần của Công ty. Việc chuyển đổi cũng làm thay đổi số lượng chủ sở hữu doanh nghiệp, tạo điều kiện cho Công ty cải tạo cơ cấu tài chính, tăng tỷ lệ huy động vốn từ các cổ đông, tự do hơn trong việc huy động vốn để mở rộng quy mô sản xuất, giúp thay đổi tỷ lệ giữa vốn pháp định và vốn vay, tránh những điều ràng buộc khi phải vay vốn ngân hàng hoặc các tổ chức tín dụng.

Công ty đã nộp Hồ sơ xin chuyển đổi lên Bộ kế hoạch và Đầu tư và chính thức được chấp thuận chuyển thành công ty cổ phần có vốn đầu tư nước ngoài vào ngày 09/08/2005 theo Giấy phép số 764-CPH/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp với giá trị vốn điều lệ là 250.05 tỷ đồng với 29 cổ đông góp vốn.

Ngày 08/11/2006, Công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký phát hành số 65/UBCK-ĐKPH do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc phát hành 5,000,000 cổ phần tăng vốn điều lệ từ 250.05 lên 300.05 tỷ đồng. Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn hoàn tất vào ngày 19/12/2006 với tổng số phát hành là 4,969,000 cổ phần.

Ngày 06/06/2007, Công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký phát hành số 753/UBCK-QLPH do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc phát hành 3,596,831 cổ phần tăng vốn điều lệ từ 299.7 tỷ lên 335.7 tỷ đồng. Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn để trả cổ tức hoàn tất vào ngày 23/07/2007 với tổng số phát hành là 3,596,831 cổ phần.

Ngày 09/07/2008, Công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký phát hành số 1362/UBCK-QLPH do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc phát hành 2,014,220 cổ phần tăng vốn điều lệ từ 335.7 tỷ lên 355.8 tỷ đồng. Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn để trả cổ tức hoàn tất vào ngày 04/9/2008 với tổng số phát hành là 2,014,220 cổ phần.

Ngày 25/5/2009, Công ty đã làm hồ sơ trình Ủy ban Chứng khoán về việc xin đăng ký phát hành 1,423,352 cổ phần để sử dụng trong việc trả cổ tức năm 2008, tăng vốn điều lệ từ 355.8 tỷ lên 370 tỷ đồng. Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn để trả cổ tức hoàn tất vào ngày 28/9/2009 với tổng số phát hành là 1,423,352 cổ phần.

Ngày 25/5/2010, Công ty đã làm hồ sơ trình Ủy ban Chứng khoán về việc xin đăng ký phát hành 1,480,246 cổ phần để sử dụng trong việc trả cổ tức năm 2009, tăng vốn điều lệ từ 370 tỷ lên 384.88 tỷ đồng. Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn để trả cổ tức hoàn tất vào ngày 1/08/2010 với tổng số phát hành là 1,480,246 cổ phần.

Ngày 25/5/2011, Công ty đã làm hồ sơ trình Ủy ban Chứng khoán về việc xin đăng ký phát hành 2,309,117 cổ phần để sử dụng trong việc trả cổ tức năm 2010, tăng vốn điều lệ từ 385 tỷ lên 407.97 tỷ đồng. Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn để trả cổ tức hoàn tất vào ngày 20/07/2011 với tổng số phát hành là 2,309,117 cổ phần.

## **2. Quá trình phát triển**

### **2.1 Ngành nghề kinh doanh**

- Sản xuất gạch thạch anh phản quang, gạch men và các sản phẩm gốm sứ.
- Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.

### **2.2 Tình hình hoạt động**

### 2.2.1 Sản lượng sản phẩm

Hiện nay, Công ty đang cung cấp hai dòng sản phẩm chính là gạch men và gạch thạch anh.

- Gạch men, bao gồm: gạch ốp tường, gạch lát nền với các quy cách 20\*20; 20\*25; 20\*30; 25\*25; 25\*33; 25\*40; 30\*30; 30\*45; 40\*40; 50\*50; 60\*60; 80\*80; 100\*100 gạch viền và điểm, gạch tranh, gạch cắt thủy lực (Đơn vị tính: cm).

Gạch thạch anh (gạch granite) là loại gạch lát nền với các quy cách 20\*20; 20\*27; 30 thạch anh; 30 bóng kiếng; 40 thạch anh; 40 bóng kiếng; 50 bóng kiếng; 60 bóng kiếng; 80 bóng kiếng; 100 bóng kiếng; gạch cắt nước, gạch cầu thang và chân tường (Đơn vị tính: cm).

### 2.2.2 Nguyên vật liệu

#### a. Các nguyên vật liệu chính

- Thổ liệu: Chủ yếu là trường thạch, cát, thổ 3 loại.
- Men liệu: Chủ yếu là men lót, men mặt, men in 3 loại.
- Phụ gia: Chất giải keo, chất tăng độ cứng, chất cố định.

#### b. Nguồn nguyên vật liệu

- Thổ liệu: chủ yếu tại Việt Nam, Thái Lan, Trung Quốc
- Men liệu: chủ yếu tại Trung Quốc, Đài Loan, Việt Nam
- Phụ gia: Chủ yếu tại Trung Quốc, Đài Loan

#### c. Sự ổn định của nguồn cung cấp nguyên vật liệu

Chính phủ nâng cao thuế nhập khẩu nguyên liệu, do đó công ty tăng cường khai thác sử dụng nguyên liệu trong nước. Tuy nhiên, cho đến nay chính sách của Trung Quốc và Việt Nam vẫn chưa có sự thay đổi lớn, nên sự ổn định của các nguồn cung cấp nguyên liệu không bị ảnh hưởng đáng kể.

#### d. Các kế hoạch và biện pháp chủ động nguồn nguyên liệu

Công ty không ngừng tìm các nhà cung ứng với giá cả không cao từ Trung Quốc và Việt Nam, và tích cực cải tiến công thức phối liệu gạch thay thế bằng những nguyên liệu giá cả rẻ, nhằm mục đích hạn chế tăng giá thành sản xuất

### 2.2.3 Chi phí sản xuất

Công ty thực hiện kiểm soát dự toán chi phí sản xuất và chi phí quản lý nhằm phân bổ nguồn lực hiệu quả để đạt được các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận đã đề ra.

### 2.2.4 Trình độ công nghệ

#### ▪ Trình độ công nghệ

Các dây chuyền sản xuất của Taicera được đầu tư với công nghệ của Italia hiện đại nhất tại Việt Nam.

Công ty đã thiết lập xưởng sản xuất tại Khu công nghiệp Gò Dầu rất thuận lợi về khuyến khích đầu tư và chiến lược quản lý chi phí lâu dài. Hiện Công ty có 3 xưởng sản xuất và 1 xưởng gia công tăng giá trị:

- Xưởng 1 gồm 2 dây chuyền sản xuất gạch men được đầu tư năm 1995 với chức năng sản xuất gạch men.
- Xưởng 2 gồm 2 dây chuyền sản xuất, được đầu tư năm 1999 và 2001 với chức năng sản xuất cả gạch men và thạch anh.
- Xưởng 3 gồm 2 dây chuyền sản xuất gạch thạch anh mài bóng trên diện tích đất đã thuê 6,8 ha với Công ty Sonadezi Biên Hòa ngày 01/09/2004.
- Xưởng gia công gồm 5 dây chuyền mài với chức năng gia công sản phẩm.

**▪ Công suất hoạt động hiện nay của nhà máy**

Công suất hoạt động của nhà máy hiện nay trung bình là 30.000 m<sup>2</sup>/ngày tùy thuộc vào loại gạch được sản xuất.

**▪ Kế hoạch nâng cao năng lực sản xuất**

Công ty đã tìm hiểu qui hoạch tổng thể của Chính phủ Việt Nam về xây dựng và giao thông, chẳng hạn như dự án xây dựng 3 đường vành đai ở Sài Gòn. Nhìn từ xu thế của Việt Nam hiện nay, sản phẩm cao cấp sẽ là trào lưu chủ yếu trong tương lai ở thị trường này.

**2.2.5 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới**

Mục tiêu kinh doanh của Công ty là lâu dài nhằm thỏa mãn thị trường rộng lớn trong và ngoài nước, tích cực nghiên cứu những ưu việt của sản phẩm nhằm mang đến cho khách hàng sự lựa chọn phong phú. Việc nghiên cứu phát triển tại Công ty luôn được quan tâm thực hiện.

***Biện pháp nâng cao chất lượng:***

- Tự kiểm tra, khống chế chất lượng trong quá trình sản xuất.
- Thực hiện theo hệ thống chất lượng, nâng cao năng lực cạnh tranh để sản phẩm đạt đến tiêu chuẩn chất lượng quốc tế.

**2.2.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm**

Các chứng chỉ và hệ thống kiểm tra chất lượng sản phẩm :

- Chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 : 2000, số chứng nhận FM 37630 được cấp ngày 06/07/2000 bởi BSI Management Systems.

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

- Chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 13006 : 2003, số chứng nhận PT052801 được cấp ngày 11/03/2005 bởi SIRIM QAS International Sdn.Bhd.



**SIRIM QAS**  
INTERNATIONAL

No. Lesen : PT052801  
Licence No.:

### LESEN PERSIJILAN BARANGAN

*Product Certification Licence*

SIRIM QAS International Sdn. Bhd. dengan ini menganugerahkan kepada  
*SIRIM QAS International Sdn. Bhd. hereby grants to*



**MS**  
SIRIM

**TAICERA ENTERPRISE CO. LTD**  
**GO DAU INDUSTRIAL ZONES**  
**PHUOC THAI VILLAGE**  
**LONG THANH DISTRICT**  
**DONGNAI PROVINCE**  
**VIETNAM**

Lesen untuk menggunakan Tanda Persijilan di atas barangan  
*a licence to use the Certification Mark on*



**ISO 13006**  
Komen: 010004-01.01

**CERAMIC TILES**

Please refer to detail in the SCHEDULE

sebagai mematuhi keperluan  
*as complying with*

**MS ISO 13006 : 2003**

### 2.2.7 *Hoạt động Marketing*

#### *Sản phẩm*

Chiến lược sản phẩm của công ty trong tương lai sẽ được chú trọng như sau:

#### *a. Sản phẩm chính:*

- Các sản phẩm mài bóng: 100x100, 80x80, 60x60, 40x40 (bao gồm gạch nhiều ống, hạt mịn, in thảm v.v...).

- Sản phẩm gạch thạch anh: 40x40, 30x30 (bao gồm gạch men thường, hạt mè v.v...).

- Các sản phẩm gạch giả cổ: 60x30, 30x30, 40x40.

- Các sản phẩm phát minh mới: 80x80, 60x60, 40x40.

#### *b. Sản phẩm phối hợp:*

- Các sản phẩm gạch men ốp tường: 20x30, 20x25, 25x33, 30x45.

- Các sản phẩm gạch men lát nền: 20x20, 25x25, 30x30, 40x40.

- Sản phẩm gạch viên gia công: gia công gạch viên, gạch chân tường, gạch cầu thang, gạch cắt tùy lục.

#### *Phân phối*

8

Việc phân phối sản phẩm sẽ được thực hiện trực tiếp và gián tiếp. Cụ thể, Taicera thiết lập một mạng lưới phân phối rộng khắp trong nước và nước ngoài, bao gồm các cửa hàng và đại lý. Như vậy, sản phẩm sẽ được bán gián tiếp thông qua đại lý hoặc trực tiếp thông qua các cửa hàng và công trình xây dựng.

- Thị trường nước ngoài: Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Úc, Campuchia, Philippines, Malaysia v.v...

- Trong nước: chủ yếu 6 chi nhánh và các công trình xây dựng.

#### **2.2.8 Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh, sáng chế và bản quyền**

##### **a. Nhân hiệu Taicera**

- Giấy Chứng nhận đăng ký nhân hiệu hàng hóa số 16917 ngày 31/05/1995 và quyết định gia hạn số A 7158/QĐ- ĐK ngày 04 /10/2004 do Cục Sở hữu Công nghiệp – Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường cấp.

- Thời hạn bảo hộ: từ ngày 28/10/1994 đến ngày 28/10/2014

##### **b. Nội dung bảo hộ:**

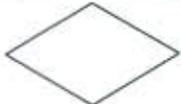
▪ Mẫu nhân hiệu thương hiệu:



**Hình 8: Nhân hiệu Taicera**

▪ Màu sắc nhân hiệu: đỏ, trắng

▪ Ý nghĩa:

Biểu tượng	Định nghĩa thực thể	Định nghĩa logic
	Thể hiện hình gạch men	Bên trong hình vuông, thể hiện tính nguyên tắc
	Thể hiện hình địa cầu	Bên ngoài tròn, thể hiện sự thông thoáng, toàn vẹn
	Thể hiện mặt địa cầu	Vững vàng, không thay đổi, làm vừa lòng khách hàng
<p><b>TAICERA</b></p>	<p>Tên Công ty</p>	<p>Tên viết tắt: TCR</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- T: Trust (Uy tín)</li> <li>- C: Classic (Chất lượng)</li> <li>- R: Revolutions (Sáng tạo)</li> </ul>

# BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## TỔNG KẾT CÔNG TÁC HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2011

### 1. Khái quát tình hình kinh doanh công ty và tình hình kinh tế năm 2011:

Lượng tiêu thụ của Công ty trong năm 2011 là trên **10,720,000 m<sup>2</sup>**, doanh thu bán hàng đạt **1.452,3** tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là **80,61** tỷ đồng, tuy lượng tiêu thụ năm 2011 chỉ cao hơn 2% so với năm 2010, nhưng doanh thu lại tăng 20.06% so với năm 2010, lợi nhuận sau thuế tăng 29.13% so với năm 2010, từ các số liệu trên, cho thấy tình hình hoạt động kinh doanh của công ty năm 2011 tốt hơn nhiều so với năm 2010.

Nhìn chung bối cảnh kinh tế trong và ngoài nước năm 2011, tình hình thực tế không thuận lợi, kinh tế Châu Âu chịu ảnh hưởng bởi các khoản nợ của Hy Lạp, ngay cả hai quốc gia dẫn đầu ngành gạch men của thế giới là Tây Ban Nha và Italia cũng bị suy giảm đáng kể, tình hình kinh tế Việt Nam cũng không được khả quan. Trong số đó, có những nguyên nhân chính:

1. Thâm hụt thương mại cao;
2. Chỉ số CPI lạm phát lên tới 18%, rất khó kiểm soát;
3. Lãi suất huy động tiền đồng ngân hàng cao 14%, lãi suất cho vay 20%, bên cạnh đó là việc hạn chế cho vay đầu tư chứng khoán, bất động sản;
4. Tỷ giá hối đoái VND/USD liên tục mất giá;
5. Tình trạng cung vượt cầu trong ngành công nghiệp gạch men vô cùng nghiêm trọng, mỗi nhà máy sản xuất phải ứng phó hoặc bằng cách cắt giảm sản lượng, hoặc điều chỉnh giảm giá để nâng cao tính cạnh tranh;
6. Các loại chi phí như nguyên liệu, điện nước, gas, nhân công, tỷ giá, v.v... không ngừng tăng cao.

Từ nhiều nhân tố đã khiến cho hoạt động kinh doanh ngành công nghiệp gạch men gặp nhiều khó khăn, đối mặt với tình thế khó khăn trong ngoài bắt buộc thế này, để ứng phó trong sản xuất, công ty Taicera nỗ lực không ngừng tìm kiếm nguồn nguyên liệu sản xuất để thay thế, cải tiến quy trình sản xuất hiện đại hóa hơn, nhằm giảm bớt chi phí giá thành sản xuất. Về mặt bán hàng kinh doanh, không ngừng thay đổi cơ cấu mẫu mã của sản phẩm, nâng cao giá trị của sản phẩm, để có thể kịp đáp ứng nhu cầu thị trường; đồng thời ngoài việc sử dụng kênh bán hàng sẵn có đưa sản phẩm đến với thị trường trong nước và các nước khu vực Châu Á ra, còn đẩy mạnh việc tiêu thụ sản phẩm đến nhiều nước Châu Âu khác, việc này đã tạo điều kiện cho công ty có thể vượt qua khắc phục mọi khó khăn. Báo cáo trong năm 2011 cho thấy doanh thu và lợi nhuận đều tăng cao, thành quả đạt được là nhờ sự nỗ lực hợp tác của toàn thể nhân viên công ty Taicera.

Hội đồng quản trị công ty luôn giữ vững thái độ tích cực, triển khai thực hiện đúng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, trong năm 2011 đã hoàn thành các công việc sau: chuyển 1 phần lợi

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

nhuận sau thuế của năm 2010 thành vốn đầu tư với số vốn tăng thêm là **23,091,176,400** đồng, thông qua phương thức phát hành thêm cổ phiếu mới để chi trả cổ tức năm 2010 bằng cổ phiếu với tổng số lượng cổ phần phát hành thêm là **2,309,117cp**; trong số đó đã thực hiện đăng ký niêm yết bổ sung **527,111** cổ phiếu, tính đến thời điểm cuối năm 2011, tổng vốn Điều lệ Công ty là **407,973,600,000** đồng.

### 2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011:

#### Sản lượng tiêu thụ sản phẩm phân theo thị trường năm 2010-2011:

Đơn vị tính: m<sup>2</sup>

Năm	2010		2011	
	Trong nước	Xuất khẩu	Trong nước	Xuất khẩu
Lượng tiêu thụ	4,968,020	5,553,635	5,426,832	5,301,802
Tỷ trọng(%)	47%	53%	51%	49%
Lượng tiêu thụ cả năm	10,521,655		10,728,634	
Tỷ lệ tăng giảm lượng tiêu thụ cả năm(%)				2%

#### Các chỉ tiêu tài chính của Công ty năm 2010-2011

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Năm 2010	Năm 2011
Doanh thu bán hàng	1,209,670,391,662	1,452,321,824,450
Các khoản giảm trừ	17,941,342,159	30,243,439,879
Doanh thu thuần về bán hàng	1,191,729,049,503	1,422,078,384,571
Giá vốn hàng bán	901,569,998,698	1,084,812,580,230
Lợi nhuận gộp về bán hàng	290,159,050,805	337,265,804,341
Lợi nhuận thuần trước thuế	73,979,279,222	99,257,609,725
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	11,550,784,066	18,200,573,445
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	-	443,604,579
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62,428,495,156	80,613,431,701
Lợi nhuận thuần sau thuế (cty mẹ)/ doanh thu thuần	5.24%	5.55%

### 3. Kết luận:

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Hội đồng quản trị xin trình bày tổng kết tình hình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011 của Công ty, nhìn chung hiệu suất kinh doanh đạt được trong năm 2011 tốt hơn so với dự kiến, một lần nữa vô cùng cảm ơn sự nỗ lực cố gắng và phối hợp của toàn thể công nhân viên Công ty, đối với môi trường kinh tế và lợi nhuận của công ty trong năm 2012, chúng tôi cũng tự tin và đặt niềm hy vọng tràn đầy, sẽ tiếp tục nỗ lực không ngừng để hoàn thành mục tiêu dự kiến và tích cực đạt được sự kỳ vọng mong đợi của cổ đông với Công ty.

**TM.Hội đồng quản trị  
Chủ tịch**



**CHEN SIN SIANG**

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

### KẾ HOẠCH DỰ KIẾN ĐẦU TƯ VÀ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2012

Tình hình kinh tế thế giới năm 2012 sẽ có nhiều biến đổi lớn và nhanh hơn nhiều so với năm 2011, giá dầu, giá nguyên vật liệu trên toàn cầu tiếp tục tăng. Chỉ số giá tiêu dùng của Việt Nam năm 2011 tuy rằng đã tương đối ổn định, thế nhưng, để phục vụ cho sản xuất công ty cần phải chi trả các khoản phí như điện nước, phí gas, lương công nhân viên, bao bì, phí vận chuyển, v.v..., các loại chi phí trên cũng không ngừng tăng lên theo vật giá thế giới. Đối diện với sự thay đổi đáng kể của môi trường kinh tế bên trong và bên ngoài, bằng tấm lòng tận tâm, thận trọng ứng phó, công ty đã không ngừng đổi mới sáng tạo để thích ứng với sự thay đổi của môi trường kinh tế, công ty lập ra các chính sách sau đây:

#### Về bán hàng:

Phát triển thị trường bất động sản trong nước năm nay đã đình trệ đáng kể, tình trạng cung vượt cầu trong ngành công nghiệp gạch men vô cùng nghiêm trọng, các nhà máy sản xuất phải ứng phó bằng cách hoặc giảm sản lượng, hoặc điều chỉnh giảm giá để nâng cao tính cạnh tranh, rất nhiều công trình quy mô lớn bị chậm lại cũng do vấn đề kinh phí, vì vậy thị trường trong nước phải đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt, không chỉ số lượng hàng bán giảm xuống, mà giá cả hàng bán cũng khó cải thiện nâng cao.

Đối mặt với khó khăn tình hình thị trường trong nước, công ty quyết định điều chỉnh lại chiến lược bán hàng và cơ cấu mẫu mã sản phẩm, tăng tỷ lệ xuất khẩu là 58%, ngoài những thị trường Châu Á như hiện nay, công ty tiếp tục không ngừng khai thác phát triển sản phẩm mới phù hợp với thị trường Châu Âu. Trước mắt do Châu Âu có chính sách chống bán phá giá đối với Trung Quốc, đã tạo điều kiện cho công ty có cơ hội thiết lập thành công thị trường mới tại Châu Âu, tiến tới tích cực khai thác thị trường tại Châu Mỹ.

Ngoài ra tiếp tục tăng cường kênh tiếp thị bán hàng của Công ty liên doanh Taicera-Keraben-công ty được góp vốn thành lập cùng công ty sản xuất lớn thứ ba tại Tây Ban Nha-Keraben, và công ty cũng thiết lập riêng một kênh bán hàng TKG với dòng sản phẩm cao cấp là chủ yếu, làm cho kênh tiêu thụ của công ty ngày càng mở rộng, và ngày càng thâm nhập; đồng thời không ngừng khai thác dòng sản phẩm mới, không ngừng cải tiến mẫu mã các dòng sản phẩm ban đầu của Taicera, để có thể kịp đáp ứng nhu cầu thị trường; nâng cao giá trị sản phẩm.

#### Về sản xuất:

Ngành công nghiệp sản xuất gạch men có tính cạnh tranh cao, phát triển nhanh, để nhà máy sản xuất ngày càng thuận lợi hơn, sản phẩm có tính cạnh tranh hơn, nâng cao giá trị kèm theo sản phẩm, công ty quyết định đầu tư 15,000,000USD để tăng thêm dây chuyền sản xuất mới hiện đại hóa nhất, dây chuyền sản xuất mới này bao gồm: máy nghiền, thiết bị sấy phun, hệ thống chứa phơi, máy ép, và

lò nung, xe gòong hiện đại nhất, dây chuyền sản xuất mới hoàn thành chạy thử hồi tháng 2 năm nay, tháng 3 được chính thức đưa vào sản xuất, sản lượng sẽ gia tăng hơn 30%, và doanh thu sẽ tăng hơn 40%.

Sản lượng gia tăng, lượng tồn kho thành phẩm và nguyên liệu cũng theo đó mà tăng lên, công ty đã cho xây dựng xong kho thô liệu và kho thành phẩm tại khu công nghiệp Mỹ Xuân, tất cả những đầu tư này đều làm tăng khả năng cạnh tranh của công ty, đáp ứng nhu cầu của khách hàng, sản xuất chuyên nghiệp hóa hơn, ngày càng linh động hơn, đưa công ty trở thành một trong những nhà cung ứng gạch men có tính cạnh tranh nhất thế giới.

**Quản lý nội bộ, tài chính và đầu tư:**

Tiếp tục duy trì tăng cường công tác quản lý điều hành nội bộ, giảm bớt chi phí quản lý là mục tiêu nỗ lực hàng năm của công ty.

Ngoài ra cùng góp vốn thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn phát triển Taicera với công ty vốn đầu tư nước ngoài Smart Link, đầu tư ở khu công nghiệp Cát Lái - Quận 2, diện tích khoảng 2 hecta, tuy rằng đã nhận được giấy phép đầu tư do Ban Quản lý khu công nghiệp Tp. Hồ chí minh cấp tháng 01/2010, nhưng do một số thủ tục có liên quan, vẫn chưa nhận được giấy phép xây dựng, chưa thể tiến hành thi công, xây dựng, dự kiến trong năm nay sẽ hoàn tất các thủ tục có liên quan, bắt đầu khởi công, sẽ tạo cơ sở lợi nhuận cao trên con đường mở rộng phát triển hoạt động kinh doanh của công ty.

**Tăng vốn Điều lệ:**

Để đáp ứng nhu cầu sử dụng vốn trong năm 2012 của Công ty, đồng thời cải thiện cơ cấu tài chính Công ty, giảm bớt chi phí lãi vay, dự kiến thực hiện tăng vốn Điều lệ 24,47 tỷ đồng, phương thức phát hành thêm tăng vốn cụ thể như sau:

- (1) Chuyển lợi nhuận năm 2011 với số tiền **24.475.878.000** đồng để tăng vốn, bằng cách phát hành **2.447.587** cổ phiếu, dùng để chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông.

**Kết luận:**

Dự kiến ngành sản xuất gạch men năm 2012 sẽ gặp nhiều khó khăn hơn năm 2011, nhưng công ty sẽ tiến hành tất cả những chiến lược kinh doanh và những thay đổi về cơ cấu sản phẩm như nói ở trên, tăng cường hợp tác cùng công ty Keraben của Tây Ban Nha, nhằm nâng cao giá trị sản phẩm, đồng thời có chiến lược hợp tác sản xuất với các nhà máy khi không đủ sản lượng, công ty tin rằng năm nay sẽ nỗ lực đạt được những mục tiêu kinh doanh như dự kiến đã đưa ra.

TM.Hội đồng quản trị  
Chủ tịch



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về kế toán.

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>733,332,987,313</b>	<b>628,780,770,066</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>187,270,731,087</b>	<b>115,156,462,393</b>
111	1. Tiền	03	187,270,731,087	115,156,462,393
112	2. Các khoản tương đương tiền			
120	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>8,891,713,564</b>	<b>38,679,600,000</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		8,891,713,564	38,679,600,000
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>169,099,948,345</b>	<b>160,476,147,171</b>
131	1. Phải thu khách hàng		150,163,413,439	153,278,724,389
132	2. Trả trước cho người bán		2,664,681,908	3,979,985,604
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Các khoản phải thu khác	04	16,683,395,350	5,079,990,028
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(411,542,352)	(1,862,552,850)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>290,801,790,605</b>	<b>264,585,606,568</b>
141	1. Hàng tồn kho	05	291,277,357,639	265,061,173,602
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(475,567,034)	(475,567,034)
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>77,268,803,712</b>	<b>49,882,953,934</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		6,872,779,542	13,229,856,078
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		57,634,120,164	27,738,864,137
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	06	1,936,690,956	2,940,680,594
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		10,825,213,050	5,973,553,125
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>846,136,768,242</b>	<b>481,967,123,892</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>			
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
213	3. Phải thu dài hạn nội bộ			
218	4. Phải thu dài hạn khác			
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

<b>Mã số</b>	<b>TÀI SẢN</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>836,562,153,427</b>	<b>460,321,736,705</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	07	408,201,400,333	453,770,862,504
222	- Nguyên giá		1,034,397,265,772	1,020,824,820,544
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(626,195,865,439)	(567,053,958,040)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính			
225	- Nguyên giá			
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
227	3. Tài sản cố định vô hình			
228	- Nguyên giá			
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	08	428,360,753,094	6,550,874,201
240	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>			
241	- Nguyên giá			
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
250	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>			<b>10,210,692,800</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh			10,210,692,800
258	3. Đầu tư dài hạn khác			
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)			
260	<b>V. Lợi thế thương mại</b>			
270	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>9,574,614,815</b>	<b>11,434,694,387</b>
271	1. Chi phí trả trước dài hạn	09	8,435,790,109	10,720,986,681
272	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
278	3. Tài sản dài hạn khác		1,138,824,706	713,707,706
280	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1,579,469,755,555</b>	<b>1,110,747,893,958</b>
<b>Mã số</b>	<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
300	<b>A . NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>875,818,874,025</b>	<b>474,309,819,604</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>667,126,129,887</b>	<b>439,888,800,144</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	10	384,373,052,801	264,726,306,888
312	2. Phải trả người bán		199,475,543,687	131,414,111,252
313	3. Người mua trả tiền trước		23,252,578,746	7,093,167,779
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	602,551,107	197,195,643
315	5. Phải trả người lao động		23,626,796,447	19,425,533,113
316	6. Chi phí phải trả	12	31,603,422,798	15,666,009,632
317	7. Phải trả nội bộ			
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây			

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

	dụng			
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	13	4,192,184,301	1,366,475,837
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi			
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>208,692,744,138</b>	<b>34,421,019,460</b>
331	1. Phải trả dài hạn người bán			
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ			
333	3. Phải trả dài hạn khác		3,941,630,680	2,875,999,899
334	4. Vay và nợ dài hạn	14	204,683,058,344	31,508,274,561
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		68,055,114	36,745,000
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn			
338	8. Doanh thu chưa thực hiện			
400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>703,650,881,530</b>	<b>636,438,074,354</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	15	<b>690,089,120,473</b>	<b>636,438,074,354</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		407,973,600,000	384,882,430,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		86,520,960,000	86,520,960,000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu			
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		(42,225,400)	(29,507,800)
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		2,199,217,643	2,433,691,247
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		46,878,629,507	34,392,930,476
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		4,303,275,411	3,557,298,729
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		142,255,663,312	124,680,271,702
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản			
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>			
432	1. Nguồn kinh phí			
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
500	<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>		<b>13,561,761,057</b>	
510	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1,579,469,755,555</b>	<b>1,110,747,893,958</b>

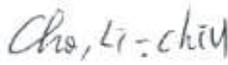
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
- Dollar Mỹ (USD)		7,553,391.59	4,713,165.07
- Euro (EUR)		815.14	14,580.77
- Yên Nhật (JPY)		4,112,847.00	4,112,847.00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Đồng Nai, ngày 12 tháng 01 năm 2012

  
Trần Đình Tâm

  
Cho Li Chiu



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2011

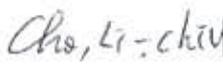
Đơn vị tính: VND

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2011	Năm 2010
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	1,452,321,824,450	1,209,670,391,662
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17	30,243,439,879	17,941,342,159
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	1,422,078,384,571	1,191,729,049,503
11	4. Giá vốn hàng bán	19	1,084,812,580,230	901,569,998,698
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		337,265,804,341	290,159,050,805
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	22,363,553,144	15,104,245,154
22	7. Chi phí tài chính	21	55,850,839,081	42,431,062,412
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		15,638,275,889	18,108,795,928
24	8. Chi phí bán hàng		141,906,018,524	135,544,782,254
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		66,564,184,806	53,853,573,314
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		95,308,315,074	73,433,877,979
31	11. Thu nhập khác		4,058,685,219	1,496,084,586
32	12. Chi phí khác		109,390,568	950,683,343
40	13. Lợi nhuận khác		3,949,294,651	545,401,243
45	14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh			
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		99,257,609,725	73,979,279,222
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22	18,200,573,445	11,550,784,066
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		81,057,036,280	62,428,495,156
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		443,604,579	
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ		80,613,431,701	62,428,495,156
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	23	1,976	1,622

Đồng Nai, ngày 12 tháng 01 năm 2012

  
Trần Đình Tâm

  
Cho Li Chiu



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

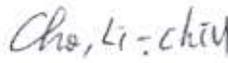
Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>99,257,609,725</b>	<b>73,979,279,222</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	1. Khấu hao tài sản cố định		70,221,130,095	61,344,884,169
03	2. Các khoản dự phòng		(1,451,010,498)	10,513,341
04	3. Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện			
05	4. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3,368,334,272)	
06	5. Chi phí lãi vay		15,638,275,889	18,108,795,928
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>180,297,670,939</b>	<b>153,443,472,660</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(41,919,706,628)	53,616,396,651
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(26,216,184,037)	(5,867,574,948)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		133,577,185,718	3,377,380,249
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		8,642,273,108	2,778,680,455
13	- Tiền lãi vay đã trả		(15,316,056,508)	(17,681,134,815)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(16,879,244,905)	(11,600,000,000)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1,532,659,190	2,781,599,999
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3,366,517,000)	(2,810,014,084)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>220,352,079,877</b>	<b>178,038,806,167</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(446,568,186,865)	(4,082,915,378)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		969,246,585	(946,856,071)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác			
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		29,787,886,436	25,385,182,000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(6,467,523,787)	(8,965,898,400)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2,505,727,735	2,762,738,897
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(419,772,849,896)</b>	<b>14,152,251,048</b>
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	(12,717,600)	
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	916,230,951,459	438,260,965,029
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(623,409,421,763)	(551,281,800,624)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(23,409,160,305)	(14,802,461,200)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>269,399,651,791</b>	<b>(127,823,296,795)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>69,978,881,772</b>	<b>64,367,760,420</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>115,156,462,393</b>	<b>50,478,113,150</b>
	<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>		
61		2,135,386,922	310,588,823
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>187,270,731,087</b>	<b>115,156,462,393</b>

Đồng Nai, ngày 12 tháng 01 năm 2012

  
Trần Đình Tâm

  
Cho Li Chiu



# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

### 1.1 Thông tin doanh nghiệp

Công ty Cổ Phần Công Nghiệp gốm sứ Taicera là doanh nghiệp được thành lập tại nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam với thời gian hoạt động là 50 năm kể từ ngày 11 tháng 01 năm 1994 theo Giấy phép đầu tư số 764/GP của Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư cấp.

Ngày 09/08/2005, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp giấy phép số 764CPH/CP chấp nhận cho Công ty được chuyển thành Công ty Cổ phần có vốn đầu tư nước ngoài với số vốn đầu tư là 66.166.667 Đô la Mỹ, vốn điều lệ là 250.045.940.000 đồng.

Ngày 08 tháng 11 năm 2006, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán nhà nước có quyết định số 65/UBCK-ĐKPH cho phép Công ty được phát hành ra công chúng 3.900.600 cổ phiếu với mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đ.

Ngày 13 tháng 09 năm 2011, Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh chứng nhận điều chỉnh lần thứ mười một, theo đó: vốn điều lệ của Công ty là 407.973.600.000 đồng, tổng số cổ phần là 40.797.360, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Tổng số cổ phần của các cổ đông sáng lập là 13.738.470 cổ phần, loại cổ phần phổ thông, trong đó:

- UNION TIME ENTERPRISE LIMITED nắm giữ 11.911.973 cổ phần.
- Ông CHEN, WEN-CHIA nắm giữ 136.135 cổ phần.
- Bà LIN, YU-LAN nắm giữ 136.135 cổ phần.
- Bà CHENG, YEU-CHYI nắm giữ 136.135 cổ phần.
- Ông CHEN, SIN-SIANG nắm giữ 1.418.092 cổ phần.

Tổng số cổ phiếu ghi tên do các cổ đông sáng lập nước ngoài nắm giữ phải bảo đảm tương ứng với giá trị cổ phần ít nhất bằng 30% vốn điều lệ trong suốt quá trình hoạt động của Công ty.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu Công nghiệp Gò Dầu, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh : Thương mại, sản xuất.

### 1.3 Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất gạch thạch anh phản quang, gạch men và các sản phẩm gốm sứ.

### 1.4 Các công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính:

#### Công ty con

• Tên công ty	Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Taiware
Địa chỉ	KCN Gò Dầu, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Đồng Nai.
Vốn điều lệ	2,000,575,420 VND
Tỷ lệ góp vốn	55.00%
• Tên công ty	Công ty TNHH Phát Triển Taicera
Địa chỉ	Lô C2, Đường K1, KCN Cát Lái - Cụm II, P. Thạnh Mỹ Lợi, Q. 2, TP. HCM
Vốn điều lệ	14,955,734,400 VND
Tỷ lệ góp vốn	51.00%

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty	Công ty TNHH Taicera Keraben
Địa chỉ	KCN Gò Dầu, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Đồng Nai.
Vốn điều lệ	14,482,440,000 VND
Tỷ lệ góp vốn	51.00%

## 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 Báo cáo tài chính hợp nhất

#### *Công ty con*

Công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát bởi Công ty trên phương diện tài chính cũng như chính sách hoạt động, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con. Các công ty con được hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát được chuyển cho Công ty và được loại trừ khỏi việc hợp nhất khi quyền kiểm soát chấm dứt.

#### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là các công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Phần sở hữu của Công ty đối với các khoản lãi hoặc lỗ của công ty liên kết sau khi đầu tư được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 2.2 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.3 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng:*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung

#### *Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền*

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ dài hạn (trên 1 năm) có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Đối với chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục có gốc tiền tệ ngắn hạn (1 năm trở xuống) tại thời điểm cuối năm được hạch toán vào khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái trên báo cáo tài chính theo thông tư 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15/10/2009.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

### **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### **Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	4%
- Máy móc, thiết bị	10% - 16%
- Phương tiện vận tải	10%
- Thiết bị công cụ quản lý	12.5%

### **Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá mua ban đầu trừ các khoản dự phòng thích hợp.

### **Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

### **Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được phân bổ dần từng quý vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần từng quý vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### **Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Quý dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích theo tỷ lệ 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

### **Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn được bổ sung từ kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định của chính sách tài chính, quyết định của các chủ sở hữu vốn và của Hội đồng Quản trị.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### *Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính*

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### *Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành 15%.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

3. TIỀN	31/12/2011	01/01/2011
Tiền mặt	1,981,515,370	1,945,213,576
Tiền gửi ngân hàng	185,289,215,717	112,932,238,052
Tiền đang chuyển		279,010,765
<b>Cộng</b>	<b>187,270,731,087</b>	<b>115,156,462,393</b>
4. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC	31/12/2011	01/01/2011
- Phải thu về cổ phần hoá		
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia		
- Phải thu người lao động		
- Phải thu về Bảo hiểm xã hội		
- Phải thu khác	16,683,395,350	5,079,990,028
+ Phải thu lại tiền thuế TNCN trả thay cho nhân viên Jin Cang	224,399,963	37
+ Trợ cấp thôi việc	3,623,939,174	4,217,818,724
+ Khác	12,835,056,213	862,171,267
<b>Cộng</b>	<b>16,683,395,350</b>	<b>5,079,990,028</b>
5. HÀNG TỒN KHO	31/12/2011	01/01/2011
- Nguyên liệu, vật liệu	138,623,850,299	95,206,188,223
- Công cụ, dụng cụ	10,705,928,246	8,142,512,853
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	17,914,017,347	15,976,572,910
- Thành phẩm	124,033,561,747	145,735,899,616
- Hàng hóa		
- Hàng gửi đi bán		
- Hàng hóa bất động sản		
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>291,277,357,639</b>	<b>265,061,173,602</b>
6. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC	31/12/2011	01/01/2011
- Thuế GTGT đầu ra		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,936,690,956	2,940,680,594
- Thuế TNCN nộp thừa		
- Các khoản khác phải thu nhà nước		
<b>Cộng</b>	<b>1,936,690,956</b>	<b>2,940,680,594</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011

## 7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
<b>1. Số dư đầu kỳ</b>	231,782,266,679	694,879,547,919	23,804,352,157	11,263,908,906	59,094,744,883	1,020,824,820,544
<b>2. Số tăng trong kỳ</b>	3,161,227,271	6,641,373,619	9,605,009,995	431,520,318	4,919,176,769	24,758,307,972
- Mua sắm mới		6,641,373,619	9,605,009,995	431,520,318	4,919,176,769	21,597,080,701
- Đầu tư XDCB hoàn thành	3,161,227,271					3,161,227,271
- Tăng khác						
<b>3. Số giảm trong kỳ</b>		8,458,641,185	2,277,313,460	449,908,099		11,185,862,744
- Chuyển sang công cụ, dụng cụ						
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán		8,458,641,185	2,277,313,460	433,358,364		11,169,313,009
- Giảm khác				16,549,735		16,549,735
<b>4. Số dư cuối kỳ</b>	234,943,493,950	693,062,280,353	31,132,048,692	11,245,521,125	64,013,921,652	1,034,397,265,772
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>1. Số dư đầu kỳ</b>	66,981,689,349	438,843,545,275	12,901,938,661	5,146,544,227	43,180,240,528	567,053,958,040
<b>2. Số tăng trong kỳ</b>	9,291,173,253	55,472,228,101	2,132,835,230	964,834,636	2,360,058,875	70,221,130,095
- Khấu hao trong kỳ	9,291,173,253	55,472,228,101	2,132,835,230	964,834,636	2,360,058,875	70,221,130,095
- Tăng khác						
<b>3. Số giảm trong kỳ</b>		8,458,641,185	2,170,673,412	449,908,099		11,079,222,696
- Chuyển sang công cụ, dụng cụ						
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán		8,458,641,185	2,170,673,412	433,358,364		11,062,672,961
- Giảm khác				16,549,735		16,549,735
<b>4. Số dư cuối kỳ</b>	76,272,862,602	485,857,132,191	12,864,100,479	5,661,470,764	45,540,299,403	626,195,865,439
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu kỳ	164,800,577,330	256,036,002,644	10,902,413,496	6,117,364,679	15,914,504,355	453,770,862,504
Tại ngày cuối kỳ	158,670,631,348	207,205,148,162	18,267,948,213	5,584,050,361	18,473,622,249	408,201,400,333

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

### 8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG

	31/12/2011	01/01/2011
<b>Tổng số chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>428,360,753,094</b>	<b>6,550,874,201</b>
Trong đó:		
+ Hệ thống ERP	4,223,701,835	3,914,500,132
+ Nhà xưởng mới - Khu công nghiệp Mỹ Xuân	6,564,541,224	
+ Hệ thống máy ép	93,857,837,652	
+ Hệ thống lò nung	3,163,854,802	
+ Hệ thống sấy phun	123,367,984,548	
+ Dây chuyền tráng men	4,809,653,416	
+ TSCĐ khu thổ liệu	17,206,536,056	
+ Máy mài bóng	24,596,329,413	
+ Đầu tư TSCĐ khác cho nhà xưởng mới	145,541,930,198	
+ Chi phí xây dựng tường rào	236,670,455	
+ Chi phí thiết kế công trình	204,750,000	
+ Chi phí khảo sát địa chất	59,090,909	
+ Chi phí san lấp mặt bằng	1,570,380,311	
+ Chi phí tư vấn thuê đất Quận 2	139,836,000	
+ Mua sắm TSCĐ khác	2,817,656,275	2,636,374,069

### 9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
- Lót gạch lò nung xưởng 3	1,304,914,632	2,535,029,256
- Tiền thuê đất KCN Mỹ Xuân A	5,394,426,238	8,091,639,358
- Chi phí công cụ dụng cụ	37,356,392	
- Chi phí trước thành lập	412,000,000	
- Chi phí sử dụng thương hiệu	1,246,886,109	
- Khác	40,206,738	94,318,067
<b>Cộng</b>	<b>8,435,790,109</b>	<b>10,720,986,681</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

### 10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
Vay ngắn hạn	325,904,307,966	180,573,098,510
- Vay ngắn hạn	325,904,307,966	180,573,098,510
+ Ngân hàng Bangkok TP HCM	54,394,871,555	41,500,118,163
+ Ngân hàng HSBC TP HCM	23,883,358,253	13,902,437,604
+ Ngân hàng Ngoại thương VN - chi nhánh Nhơn Trạch	118,830,409,334	79,226,398,843
+ Ngân hàng Indovina Đồng Nai	83,283,883,241	39,841,870,529
+ Ngân hàng Huanan	3,044,220,480	5,390,051,531
+ Ngân hàng Fubon Bình Thạnh	11,225,564,686	712,221,840
+ Ngân hàng Shanghai Đồng Nai	31,242,000,417	
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>58,468,744,835</b>	<b>84,153,208,378</b>
- Nợ dài hạn đến hạn trả - VND	58,468,744,835	84,153,208,378
+ Ngân hàng Bangkok TP HCM	34,659,478,443	63,008,687,256
+ Ngân hàng HSBC TP HCM	4,275,072,176	11,359,200,000
+ Ngân hàng Indovina Đồng Nai	5,201,349,364	9,785,321,122
+ Ngân hàng Fubon Bình Thạnh	4,632,612,914	
+ Ngân hàng Fubon Hà Nội	9,700,231,938	
<b>Cộng</b>	<b>384,373,052,801</b>	<b>264,726,306,888</b>

### 11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	01/01/2011
- Thuế giá trị gia tăng	244,499,321	196,220,243
- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
- Thuế xuất, nhập khẩu		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	317,338,902	
- Thuế thu nhập cá nhân	40,712,884	975,400
- Thuế nhà đất		
- Thuế khác		
<b>Cộng</b>	<b>602,551,107</b>	<b>197,195,643</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

### 12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2011	01/01/2011
- Chi phí tháng		592,087,243
- Lãi vay	322,219,381	427,661,113
- Chi phí phải trả khác	31,239,547,417	14,646,261,276
- Trích trước chi phí kiểm toán	41,656,000	
<b>Cộng</b>	<b>31,603,422,798</b>	<b>15,666,009,632</b>

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
- Kinh phí công đoàn		
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	156,603,614	(25,737,098)
- Bảo hiểm thất nghiệp	2,733,262	82,885,841
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4,032,847,425	1,309,327,094
+ <i>Thù lao và cổ tức phải trả</i>	930,585,999	
+ <i>Các khoản tạm thu phải trả</i>	2,251,777,426	1,309,327,094
+ <i>Khác</i>	850,484,000	
<b>Cộng</b>	<b><u>4,192,184,301</u></b>	<b><u>1,366,475,837</u></b>

14. VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
<b>Vay dài hạn</b>	<b>204,683,058,344</b>	<b>31,508,274,561</b>
- <b>Vay dài hạn - VND</b>	<b>204,683,058,344</b>	<b>31,508,274,561</b>
+ Ngân hàng Bangkok TP HCM	55,575,938,916	31,504,382,083
+ Ngân hàng HSBC TP HCM	41,610,784,078	
+ Ngân hàng Indovina Đồng Nai	34,744,595,606	3,892,478
+ Ngân hàng Fubon Bình Thạnh	72,751,739,744	
+ Ngân hàng Fubon Hà Nội		
<b>Nợ dài hạn</b>		
<b>Cộng</b>	<b><u>204,683,058,344</u></b>	<b><u>31,508,274,561</u></b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011

## 15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính
<b>Số dư đầu năm trước</b>	370,079,970,000	86,520,960,000	(18,456,600)	374,854,895	92,977,285,799	33,562,865,300	8,390,716,300
Tăng vốn trong năm trước	14,802,460,000		(11,051,200)		(14,802,460,000)		
Lãi trong năm trước					62,428,495,156		
Tăng khác				2,433,691,247			
Trích quỹ lập các quỹ từ lợi nhuận					(1,037,581,482)	830,065,176	207,516,306
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát					(83,006,571)		
Chia cổ tức					(14,802,461,200)		
Giảm khác				(374,854,895)			(5,040,933,877)
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>384,882,430,000</b>	<b>86,520,960,000</b>	<b>(29,507,800)</b>	<b>2,433,691,247</b>	<b>124,680,271,702</b>	<b>34,392,930,476</b>	<b>3,557,298,729</b>
Tăng vốn trong năm	23,091,170,000		(12,717,600)		(23,091,170,000)		
Lợi nhuận trong năm					80,613,431,701		
Tăng khác				2,199,217,643			
Giảm vốn trong năm							
Chia cổ tức					(23,091,176,400)		
Trích quỹ lập các quỹ từ lợi nhuận					(15,607,123,788)	12,485,699,031	3,121,424,757
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát					(1,248,569,903)		
Giảm khác				(2,433,691,247)			(2,375,448,075)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>407,973,600,000</b>	<b>86,520,960,000</b>	<b>(42,225,400)</b>	<b>2,199,217,643</b>	<b>142,255,663,312</b>	<b>46,878,629,507</b>	<b>4,303,275,411</b>

Thặng dư vốn cổ phần thể hiện khoản tiền vượt trội thu được từ việc phát hành cổ phiếu mới so với mệnh giá cổ phiếu.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

**15. b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
Vốn góp của Nhà nước		
Vốn góp của các cổ đông	407,973,600,000	384,882,430,000
<b>Cộng</b>	<b><u>407,973,600,000</u></b>	<b><u>384,882,430,000</u></b>

**15. c) Các quỹ của doanh nghiệp**

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	46,878,629,507	34,392,930,476
- Quỹ dự phòng tài chính	4,303,275,411	3,557,298,729
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
<b>Cộng</b>	<b><u>51,181,904,918</u></b>	<b><u>37,950,229,205</u></b>

**15. d) Cổ phiếu**

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	40,797,360	38,488,243
- Cổ phiếu phổ thông	40,797,360	38,488,243
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	4,222	2,949
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40,793,138	38,485,294
- Cổ phiếu phổ thông	40,793,138	38,485,294
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/  
cổ phiếu

**18. đ) Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển mục đích sử dụng chủ yếu cho việc nâng cấp máy móc, thiết bị nhà xưởng.
- Quỹ dự phòng tài chính mục đích để bổ sung vốn điều lệ và để dự phòng tài chính cho năm sau (liên quan đến tài chính các công ty).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

16.	TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Đơn vị tính: VND	
		Năm 2011	Năm 2010
	Doanh thu bán hàng	1,452,321,824,450	1,209,670,391,662
	Doanh thu cung cấp dịch vụ		
	<b>Cộng</b>	<b>1,452,321,824,450</b>	<b>1,209,670,391,662</b>
17.	CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU	Đơn vị tính: VND	
		Năm 2011	Năm 2010
	Chiết khấu thương mại	29,369,763,674	17,378,535,189
	Giảm giá hàng bán	159,677,688	386,707,482
	Hàng bán bị trả lại	713,998,517	176,099,488
	Thuế GTGT phải nộp (phương pháp trực tiếp)		
	Thuế tiêu thụ đặc biệt		
	Thuế xuất khẩu		
	<b>Cộng</b>	<b>30,243,439,879</b>	<b>17,941,342,159</b>
18.	DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Đơn vị tính: VND	
		Năm 2011	Năm 2010
	Doanh thu thuần sản phẩm, hàng hóa	1,422,078,384,571	1,191,729,049,503
	Doanh thu thuần dịch vụ		
	<b>Cộng</b>	<b>1,422,078,384,571</b>	<b>1,191,729,049,503</b>
19.	GIÁ VỐN HÀNG BÁN	Đơn vị tính: VND	
		Năm 2011	Năm 2010
	Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ đã cung cấp	1,084,812,580,230	901,569,998,698
	Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý của bất động sản đầu tư đã bán		
	Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư		
	Hao hụt, mất mát hàng tồn kho		
	Các khoản chi phí vượt mức bình		

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

thường

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

**Cộng****1,084,812,580,230****901,569,998,698****20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH***Năm 2011**Năm 2010*

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay

2,505,727,735

2,762,738,897

- Cổ tức lợi nhuận được chia

10,719,803,258

- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện

18,454,370,367

- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện

- Lãi bán hàng trả chậm

- Doanh thu hoạt động tài chính khác

1,403,455,042

1,621,702,999

**Cộng****22,363,553,144****15,104,245,154****21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH***Năm 2011**Năm 2010*

- Chi phí lãi vay

15,638,275,889

18,108,795,928

- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện  
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư

28,300,003,676

20,828,167,479

- Chi phí tài chính khác

11,912,559,516

3,494,099,005

**Cộng****55,850,839,081****42,431,062,412****22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH***Năm 2011**Năm 2010*

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành

18,200,573,445

11,550,784,066

**Cộng****18,200,573,445****11,550,784,066****23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

	<u>Năm 2011</u>	<u>Năm 2010</u>
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đồng	80,613,431,701	62,428,495,156
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	40,793,138	38,485,294
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	1,976	1,622

**24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH  
THEO YẾU TỐ**

	<u>Năm 2011</u>	<u>Năm 2010</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	335,474,706,031	297,684,815,980
Chi phí nhân công	105,577,882,431	80,438,546,415
Chi phí khấu hao tài sản cố định	70,221,130,095	77,794,601,395
Chi phí dịch vụ mua ngoài, bằng tiền khác	744,182,302,697	601,132,329,151
<b>Cộng</b>	<b><u>1,255,456,021,254</u></b>	<b><u>1,057,050,292,941</u></b>

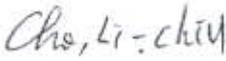
**25. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

Đồng Nai, ngày 12 tháng 01 năm 2012

  
Trần Đình Tâm

  
Cho Li Chiu



## BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban kiểm soát xin trình bày báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 được tổ chức vào ngày 23/04/2012.

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera đã thực hiện kiểm tra thường kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng của Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera trong năm 2011. Việc kiểm tra được thực hiện thuận lợi, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và điều lệ Công ty. Kết quả kiểm tra như sau:

### 1. Về sản xuất kinh doanh

Các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011 như sau:

Doanh thu năm 2011: **1.452,32 tỷ đồng**, tăng 20,06% so với năm 2010

- Lợi nhuận sau thuế năm 2011: **80,6 tỷ đồng**.

- Tỷ lệ cổ tức: **12%**

Với các chỉ tiêu được giao nói trên, Ban Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý và người lao động của Công ty trong năm đã có những nỗ lực rất lớn, cố gắng hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu được giao. Cụ thể như sau:

*Đơn vị tính: đồng*

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2011
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.452.321.824.450
2	Lợi nhuận sau thuế thu nhập Doanh nghiệp (Công ty mẹ)	80.613.431.701
3	Lợi nhuận sau thuế (Công ty mẹ)/Doanh thu thuần	5,67%
4	Lợi nhuận sau thuế (Công ty mẹ)/Vốn Điều lệ	19,76%

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty nêu trên đã được thể hiện rõ ràng trong báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty. Các báo cáo này đã được kiểm toán độc lập (Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và kiểm toán Phía Nam-AASCs) kiểm toán, xác nhận. Ban kiểm soát đã đối chiếu số liệu của báo cáo với sổ kế toán, sổ sách của Công ty được tổ chức khoa học, ghi chép rõ ràng rất thuận lợi cho việc kiểm tra. Ban kiểm soát thống nhất xác nhận các chỉ tiêu thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2011 của Công ty được Tổng giám đốc báo cáo như đã nêu trên.

### 2. Phân phối sản phẩm

Việc phân phối sản phẩm sẽ được thực hiện trực tiếp và gián tiếp. Taicera thiết lập một mạng lưới phân phối rộng khắp trong nước và nước ngoài, bao gồm các cửa hàng và đại lý. Sản phẩm

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

sẽ được bán gián tiếp thông qua đại lý hoặc trực tiếp thông qua các cửa hàng và công trình xây dựng.

Thị trường nước ngoài: Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Úc, Campuchia, Philippines, Malaysia, Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ, NaUy, v.v...

- Trong nước: chủ yếu 6 chi nhánh và các công trình xây dựng.

### 3. Kiểm soát chi phí

Công ty thực hiện kiểm soát dự toán chi phí sản xuất và chi phí quản lý nhằm phân bổ nguồn lực hiệu quả để đạt được các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận đề ra.

### 4. Trích lập các quỹ

Theo điều lệ của Công ty, hàng năm Công ty sẽ phải trích lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ bổ sung điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản này không vượt quá (5%) lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% Vốn điều lệ của Công ty.

Trên đây là nội dung kết quả quá trình kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng

**TM. BAN KIỂM SOÁT**



Số: 213/BCKT/TC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN****Về Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2011 của Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Gốm sứ Taicera****Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cổ đông Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Gốm sứ Taicera**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Gốm sứ Taicera ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 12 tháng 01 năm 2012 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày từ trang 04 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở ý kiến:**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên:**

Theo ý kiến của chúng tôi, các Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2012

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính****Kế toán và Kiểm toán Phía Nam****LÊ VĂN TUẤN**  
Chứng chỉ KTV số: 0479/KTV**Kiểm toán viên**
**TẠ QUANG LONG**

Chứng chỉ KTV số: 0649/KTV

## THÔNG TIN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 1. Ông CHEN SIN SIANG – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Quá trình công tác:

1986 – 2011: Chủ tịch HĐQT công ty CPHH Công Nghiệp Gốm Sứ THUẬN LỢI

1994 – 2011: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

### 2. Ông CHEN CHENG JEN – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

Quá trình công tác:

1983 – 1995: Tổng Giám Đốc công ty CPHH ENGAR

1995 – 2011: Tổng Giám Đốc Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

2007 – 2011: Thành viên HĐQT kiêm TGD Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

### 3. Ông HSU RONG SHENG – Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị

Quá trình công tác:

1995 – 2011: Tổng Giám Đốc Công ty CPHH Công Nghiệp Gốm Sứ CHÁNH PHONG

2005 – 2011: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

### 4. Ông HO TSUNG MING – Thành viên Hội đồng quản trị

Quá trình công tác:

1983 – 2011: Giám đốc Công ty CPHH Engar

2005 – 2011: Thành viên Hội Đồng Quản Trị Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

### 5. Ông HSU JONG CHIN – Thành viên Hội đồng quản trị

Quá trình công tác:

1988 – 1992: Công tác tại Phòng Kinh doanh Công ty CPHH Công nghiệp Gốm Sứ CHÁNH PHONG

1992 – 1995: Giám đốc Công ty CPHH Công nghiệp Gốm Sứ CHÁNH PHONG

1995 – 2011: Phó Tổng Giám đốc Công ty CPHH Công nghiệp Gốm Sứ CHÁNH PHONG

2005 – 2011: Thành viên Hội Đồng Quản Trị Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

## THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

### 1. Ông CHEN WEN CHIA – Trưởng Ban kiểm soát

Quá trình công tác:

2002 – 2005: Phó giám đốc Tài chính công ty CPHH Chế tạo Tào Tân Lữ Vi

2005 – 2006: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

2005 – 2011: Trưởng phòng quản lý hành chính công ty CPHH Công nghệ Nguyên Đình.

2007 – 2011: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

### 2. Ông LUO JONG HUI – Thành viên Ban kiểm soát

Quá trình công tác:

1990 – 1994: Trưởng phòng Công ty CPHH Công Nghiệp Gốm Sứ CHÁNH PHONG

1995 – 2011: Giám đốc Công ty CPHH Công Nghiệp Gốm Sứ CHÁNH PHONG

2007 – 2011: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

### 3. Bà LIN YU LAN – Thành viên Ban kiểm soát

Quá trình công tác:

1987 – 2011: Thư ký Công ty CPHH ENGAR

2005 – 2011: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

## THÀNH VIÊN BAN GIÁM ĐỐC

1. Ông CHEN CHENG JEN – Tổng giám đốc (Xem chi tiết đã trình bày tại phần trên)
2. Ông PENG SHIH TING – Phó Tổng giám đốc Sản xuất

Quá trình công tác:

1986 – 1996: Phó Giám đốc Sản xuất ngành Gạch gốm Kiên Tín-Đài Loan

1996 – 2011: Giám đốc BP Sản xuất Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera

## CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG

### 1. Thông tin chi tiết về cổ đông nắm giữ cổ phần niêm yết:

Stt	Loại hình cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
<b>I</b>	<b>Đã lưu ký:</b>	<b>3,052</b>	<b>9,142,447</b>	<b>22.41%</b>
	Trong đó:			
1	<i>Trong nước:</i>	2,930	4,841,401	11.87%
	Cá nhân:	2,885	4,098,570	10.05%
	Tổ chức:	45	742,831	1.82%
2	<i>Nước ngoài:</i>	122	4,301,016	10.54%
	Cá nhân:	113	3,594,965	8.81%
	Tổ chức:	9	706,051	1.73%
<b>II</b>	<b>Chưa lưu ký:</b>	<b>268</b>	<b>172,765</b>	<b>0.42%</b>
	Trong đó:			
1	<i>Trong nước:</i>	262	66,063	0.16%
	Cá nhân:	260	55,084	0.14%
	Tổ chức:	2	10,979	0.02%
2	<i>Nước ngoài:</i>	6	106,702	0.26%
	Cá nhân:	4	11,427	0.03%
	Tổ chức:	2	95,275	0.23%
<b>3</b>	<b>Cộng</b>	<b>3,320</b>	<b>9,315,212</b>	<b>22,83%</b>

### 2. Thông tin chi tiết về cổ đông nắm giữ cổ phần chưa niêm yết:

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Stt	Loại hình cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	<i>Trong nước:</i>	1	54	0.00%
	Cá nhân:	-	-	-
	Tổ chức:	1	54	0.00%
2	<i>Nước ngoài:</i>	21	31,482,094	77.17%
	Cá nhân:	18	12,037,621	29.51%
	Tổ chức:	3	19,444,473	47.66%
3	<b>Cộng</b>	<b>22</b>	<b>31,482.148</b>	<b>77.17%</b>

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

  
CHEN SIN SIANG

